

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CORBI VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CORBI VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CORBI VIET NAM PHARMACEUTICAL JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: CORBI VIET NAM., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108668258

**3. Ngày thành lập:** 26/03/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 9 ngách 15 ngõ 139 Đường Tam Trinh, Phường Mai Động, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                             | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa                                                                                                                                                                                                                                                   | 1050        |
| 2.  | Sản xuất các loại bánh từ bột                                                                                                                                                                                                                                                         | 1071        |
| 3.  | Sản xuất đường                                                                                                                                                                                                                                                                        | 1072        |
| 4.  | Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo                                                                                                                                                                                                                                                   | 1073        |
| 5.  | Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự                                                                                                                                                                                                                                          | 1074        |
| 6.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa                                                                                                                                                                                                                   | 4610        |
| 7.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(Trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                     | 4620        |
| 8.  | Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì                                                                                                                                                                                                                                        | 4631        |
| 9.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt<br>Bán buôn thủy sản<br>Bán buôn rau, quả<br>Bán buôn cà phê<br>Bán buôn chè<br>Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột<br>Bán buôn thực phẩm khác | 4632(Chính) |
| 10. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4633        |
| 11. | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào                                                                                                                                                                                                                                                 | 4634        |
| 12. | Bán buôn tổng hợp<br>( Trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                         | 4690        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 13. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                  | 4711 |
| 14. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4719 |
| 15. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4721 |
| 16. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh | 4722 |
| 17. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4723 |
| 18. | Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4724 |
| 19. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                   | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức      | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN HỮU DŨNG | Số 563 Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Thị Cầu, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 30.000     | 300.000.000           | 15,000    | 125648494                                                                                   |         |
|     |                 |                                                                                           | Tổng số           | 30.000     | 300.000.000           | 15,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                           |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | TRẦN THỊ TÂM    | Số 563 Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Thị Cầu, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 30.000     | 300.000.000           | 15,000    | 125113503                                                                                   |         |
|     |                 |                                                                                           | Tổng số           | 30.000     | 300.000.000           | 15,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                           |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                  |                                                                                                   |                   |         |               |        |           |  |
|---|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------|---------------|--------|-----------|--|
| 3 | NGUYỄN HỮU TRUNG | Số 174 Ngõ 6 đường Như Nguyệt, Khu 5, Phường Đáp Cầu, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 140.000 | 1.400.000.000 | 70,000 | 125113703 |  |
|   |                  |                                                                                                   | Tổng số           | 140.000 | 1.400.000.000 | 70,000 |           |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN HỮU TRUNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 10/07/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 125113703

Ngày cấp: 19/05/2009

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Ninh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 174 Ngõ 6 đường Như Nguyệt, Khu 5, Phường Đáp Cầu, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 174 Ngõ 6 đường Như Nguyệt, Khu 5, Phường Đáp Cầu, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội